

Bản án số: 24/2024/DS-PT

Ngày: 15/01/2024

V/v Tranh chấp giao dịch vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn

Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 582/2023/TLPT-DS ngày 24/11/2023 về "*Tranh chấp giao dịch vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 683/2024/QĐ-PT ngày 02/01/2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Lý Đức H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: C804, tòa C, Chung cư NO4, phố HĐT, phường TH, quận CG, Hà Nội (có mặt).

***Bị đơn:** Ông Lý Tuấn A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 161, phố HB, phường HB, quận HK, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 170, đường ĐLT, phường OCD, quận ĐĐ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà 21, ngõ 87 đường KC, thôn YV, xã KC, huyện HĐ, Hà Nội (có mặt ông Thắng).

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty luật TNHH TT-Lô 67, ngõ 136 TK, phường YH, quận CG, Hà Nội.

- Người kháng cáo: Ông Lý Đức H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý Đức H trình bày:

Ông Lý Tuấn A là anh ruột của ông Lý Đức H, ông TA được bố mẹ cho 5m² đất ở quận HK. Cuối năm 2017 ông TA muốn mua thêm phần đất của Nhà nước theo Nghị định 61 thành 30m² nên có nhu cầu vay tiền Ngân hàng. Ông TA đã vay ông H số tiền gần 400 triệu đồng để tắt toán khoản vay cũ và trả lãi cho khoản vay mới cụ thể như sau:

1- Ngày 03/01/2018 ông TA vay của ông H 163.800.000 đồng, khi vay không viết giấy tờ mà chỉ nói miệng. Mục đích vay để tắt toán khoản vay tại Ngân hàng VPB. Tháng 01/2018 ông TA có nợ Ngân hàng VPB số tiền 335.000.000 đồng. Cùng ngày ông H đã chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của ông TA tại Ngân hàng V số tài khoản 0011004047392. Lãi suất vay 0%. Thời điểm trả nợ là khi ông TA bán được nhà đất tại 161 HB.

2- Ngày 08/01/2018 ông TA tiếp tục vay ông H số tiền 150.000.000 đồng mục đích để trả phí làm dịch vụ sổ đỏ nhà đất 161 HB. Khi vay không viết giấy tờ chỉ nói miệng. Cùng ngày ông H chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của ông TA tại Ngân hàng V số tài khoản 0011004047392. Lãi suất vay 0%. Thời điểm trả nợ là khi ông TA bán được nhà đất tại 161 HB.

3- Sau khi tắt toán khoản vay tại Ngân hàng VPB, ông TA lại tiếp tục vay Ngân hàng MB Chi nhánh TDH số tiền 3.850.000.000 đồng. Để trả lãi 02 kỳ đầu tiên cho Ngân hàng MB. Ngày 20/01/2018 ông TA lại tiếp tục vay ông H số tiền 67.601.000 đồng. Khi vay không viết giấy tờ chỉ nói miệng. Lãi suất vay 0%. Thời điểm trả nợ là khi ông TA bán được nhà đất tại 161 HB. Ông H đã chuyển khoản số tiền trên từ tài khoản của ông H tại Ngân hàng V sang tài khoản của ông TA tại Ngân hàng MB Chi nhánh TDH có số tài khoản là 0050129249002. Việc chuyển khoản chia làm 03 lần:

Lần 1: Ngày 22/01/2018 số tiền 22.151.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/01/2018 số tiền 5.050.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22/02/2018 số tiền 40.400.000 đồng.

Khi chuyển khoản ông H ghi TT lãi tháng 1/2018, TT tiền gốc, TT tiền lãi NH T2. Lý do ông H không ghi cụ thể là TT lãi, gốc cho ông Lý Tuấn A là do ông H với ông TA là anh em nên không cần ghi cụ thể. Nhà đất là tài sản đảm bảo của khoản vay tại Ngân hàng của ông TA có nguồn gốc là của ông H, ông H đã chuyển tên để ông TA thế chấp Ngân hàng, thực tế ông H vẫn ở trên nhà đất đó. Do ông TA không có tiền nên đã nhờ ông H trả tiền gốc lãi cho ông TA 02 tháng đầu, sau đó từ tháng thứ 3 ông TA mới tự trả. Ông H giúp ông TA hoàn toàn do là anh em chứ không có mục đích vụ lợi nào.

4- Ngoài ra ông H còn cho ông TA vay 02 khoản để đóng án phí 6.845.167 đồng và tiền định giá 3.740.000 đồng (có các giấy tờ đóng phí kèm theo). Khi vay không viết giấy tờ chỉ nói miệng. Lãi suất vay 0%. Thời điểm trả nợ là khi ông TA bán được nhà đất tại 161 HB.

Tổng cộng 04 khoản vay là 391.986.167 đồng.

Ngày 19/9/2018 ông TA đã bán được nhà đất tại 161 HB nhưng cho đến nay vẫn chưa trả các khoản tiền trên cho ông H. Ông H đã nhiều lần đốc thúc nhưng ông TA từ chối không thực hiện việc trả tiền. Vì vậy, ông H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông TA phải trả cho ông H tổng cộng số tiền là 391.986.167 đồng.

5- Về số tiền 66.005.500 đồng (theo sao kê tài khoản ngày 12/7/2018 do ông Thắng cung cấp): ông TA vay của ông H 72.000.000 đồng để trả 06 tháng tiền thuê nhà, sau đó ông H cần tiền cũng để thuê nhà nên đã yêu cầu ông TA trả, ông TA đã chuyển cho ông H 66.000.000 đồng (5.500 đồng là tiền phí Ngân hàng thu), còn nợ lại số tiền 6.000.000 đồng, về số tiền này ông H không yêu cầu ông TA phải trả.

Bị đơn ông Lý Tuấn A do ông Nguyễn Văn T đại diện ủy quyền trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữa ông Lý Tuấn A và ông Lý Đức H không có bất kỳ quan hệ vay mượn tiền nào bằng miệng, đó hoàn toàn là do ông Lý Đức H bịa đặt ra, cụ thể:

1-Đối với khoản tiền 163.800.000 đồng mà ông H nói ngày 03/01/2018 đã chuyển vào tài khoản số 0011004047392 của ông Lý Tuấn A tại Ngân hàng V, để ông Lý Tuấn A tất toán khoản vay tại Ngân hàng VPB. Thực tế số tiền này ông Lý Tuấn A dùng tiền mặt nhờ ông H chuyển giúp 06 tháng tiền thuê nhà của ông K vào tài khoản của mình nhằm mục đích chứng minh nguồn thu qua tài khoản để làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng. Theo đó, ngày 03/01/2018 ông TA đưa cho ông H 163.800.000 đồng tiền mặt để ông H nộp vào tài khoản của mình, ngay lúc đó ông H làm thủ tục chuyển trả lại tiền vào tài khoản số 0011004047392 của ông Lý Tuấn A tại Ngân hàng V, nên nội dung chuyển khoản mới ghi là “Kim Kwangil trả trước cho anh Lý Tuấn A 06 tháng tiền nhà (ghi bằng tiếng Anh)”, chứ không đề cập gì đến việc vay tiền. Chính vì vậy mà trên thông tin sao kê của ông H thể hiện ông H thực hiện 02 giao dịch cùng một lúc, vừa chuyển tiền mặt vào tài khoản của mình, ngay sau đó đã chuyển đến tài khoản của ông Lý Tuấn A.

2- Đối với khoản tiền 150.000.000 đồng mà ông H nói ngày 08/01/2018 đã chuyển vào tài khoản số 0011004047392 của ông Lý Tuấn A tại Ngân hàng V để ông TA trả phí dịch vụ làm sổ đỏ tại địa chỉ 161 HB, HK, Hà Nội: Thực tế số tiền này ông H chuyển tiền cho Công ty TNHH thiết bị Hthuê 125 bộ Wifi tháng 1,2,3 năm 2018 của ông TA theo Hợp đồng số 29092017/Huawei chứ không liên quan gì đến việc ông TA vay tiền. Mặt khác, căn nhà ở 161 HB thuộc sử dụng chung giữa ông TA và ông H, nên không có việc ông TA vay tiền của ông H để trả tiền dịch vụ làm sổ đỏ.

3- Đối với số tiền 67.601.000 đồng ông H nói các ngày 22/01/2018, ngày 26/01/2018, ngày 22/02/2018 đã chuyển vào tài khoản số 0050129249002 của ông TA tại Ngân hàng MB Chi nhánh TDH, để ông TA trả lãi 02 kỳ đầu tiên cho Ngân hàng MB. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 22/01/2018 số tiền 22.151.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/01/2018 số tiền 5.050.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22/02/2018 số tiền 40.400.000 đồng.

Về khoản tiền nêu trên ông TA khẳng định tháng 12/2017 ông TA và ông H có chung tiền mua thêm phần diện tích nhà đất sử dụng chung tại số 161 phố HB, để có tiền mua thêm nhà, đất ông TA và ông H thỏa thuận để ông TA đứng ra thế chấp căn hộ của mình tại phường TH, quận CG, Hà Nội để vay Ngân hàng MB số tiền 3.850.000.000 đồng. Sau khi hoàn tất thủ tục ngày 05/01/2018, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 3.850.000.000 đồng vào tài khoản số 0050129247007 của ông Lý Đức H mở tại Ngân hàng MB Chi nhánh TDH. Số tiền này dùng để trả tiền mua thêm nhà đất tại 161 HB 3.382.157.000 đồng, phần còn lại để trả gốc và lãi của tháng 01 và tháng 02/2018 cho Ngân hàng MB và sửa chữa nhà 161 HB. Ngày 19/9/2018 khi bán nhà ở HB hai bên đã đối trừ nghĩa vụ với nhau xong, không bên nào còn nợ bên nào, nên ông TA đã chuyển phần tiền bán nhà còn lại của mình vào tài khoản của ông H tại MB để tất toán khoản vay. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định số tiền 67.601.000 đồng (trả gốc và lãi cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội) mà ông Lý Đức H chuyển vào tài khoản của ông Lý Tuấn A tại Ngân hàng MB vẫn lấy từ nguồn tiền mà ông TA đã vay của Ngân hàng MB ngày 05/01/2018, chứ không phải ông H dùng tiền của mình để thanh toán gốc và lãi cho MB như ông H đã nêu.

Mặt khác có ít nhất 02 sự kiện để chứng minh cho việc ông TA không nợ tiền ông H, cụ thể:

- Ngày 22/9/2018, vợ chồng ông TA bán cho ông H căn hộ chung cư tại phường TH với giá 3.900.000.000 đồng, sau khi ký Hợp đồng mua bán, ông H đã chuyển khoản cho ông TA 100% tiền mua nhà là 3.900.000.000 đồng mà không trừ đi các khoản nợ nêu trên là hết sức vô lý.

- Năm 2022 ông H có khởi kiện vợ chồng ông TA ra Tòa án nhân dân quận ĐD để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông TA phải trả ông H số tiền là 1.800.000.000 đồng nhưng lại không bao gồm hai khoản tiền nêu trên. Nếu ông TA có nợ ông H thật thì ông H đã yêu cầu Tòa án nhân dân quận ĐD giải quyết trong vụ án này rồi, chứ không tách ra để yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4- Đối với các khoản tiền ông H nộp, gồm: tiền án phí 6.845.167 đồng ngày 19/01/2015 và tiền định giá 3.740.000 đồng ngày 04/01/2018 thì ông TA cho biết hai khoản tiền này là ông TA nhờ ông H đóng hộ nhưng sau đó đã trả ông H bằng tiền mặt đầy đủ. Khi trả ông H bằng tiền mặt, giữa ông TA và ông H không viết giấy tờ gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lý Tuấn A phải trả cho ông Lý Đức H tổng số tiền 391.986.167 đồng. Ông H không yêu cầu ông TA thanh toán lãi chậm trả.

- *Đại diện bị đơn trình bày:* Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do giữa ông TA và ông H không có việc vay mượn tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 190/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 274; Điều 280; Điều 351; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 ; Căn cứ khoản 1,4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Đức H đối với ông Lý Tuấn A.

2. Buộc ông Lý Tuấn A phải trả cho ông Lý Đức H số tiền 10.585.167 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lý Đức H phải nộp 19.070.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H đã nộp 9.700.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 71532 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận ĐĐ. Ông H còn phải nộp tiếp 9.370.050 đồng.

Bị đơn ông Lý Tuấn A phải nộp 529.258 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Lý Đức H là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 190/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội: Buộc ông Lý Tuấn A phải trả ông Lý Đức H số tiền 67.601.000 đồng là tiền ông H đã thanh toán một phần khoản vay cho ông TA tại Ngân hàng MB. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ông TA phải trả ông H hai khoản tiền: 163.800.000 đồng và 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*Về thủ tục: Nguyên đơn ông Lý Đức H kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

*Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp giao dịch vay tài sản. Bị đơn ông Lý Tuấn A cư trú tại Số 170, đường ĐLT, phường OCD, quận ĐĐ, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc Tòa án nhân dân quận ĐĐ thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn

** Xét yêu cầu của ông Lý Đức H yêu cầu ông Lý Tuấn A phải thanh toán số tiền 163.800.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:*

Theo ông H trình bày: Ngày 03/01/2018 ông TA vay của ông H 163.800.000 đồng, khi vay không viết giấy tờ mà chỉ nói miệng. Mục đích vay để tất toán khoản vay tại Ngân hàng VPB. Cùng ngày ông H đã chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của ông TA tại Ngân hàng V số tài khoản 0011004047392. Lãi suất vay 0%. Thời điểm trả nợ là khi ông TA bán được nhà đất tại 161 HB.

Theo Sao kê tài khoản ngày 03/01/2018 do ông H cung cấp và ông Tuấn Anh cũng thừa nhận việc ông H đã chuyển số tiền 163.800.000 đồng vào tài khoản số 0011004047392 của ông TA tại Ngân hàng V nhưng ông TA không thừa nhận đó là tiền ông TA vay ông H mà là tiền mặt ông TA đưa cho ông H nhờ ông H chuyển giúp 06 tháng tiền thuê nhà của ông K vào tài khoản của mình nhằm mục đích chứng minh nguồn thu qua tài khoản để làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng.

Xét nội dung chuyển tiền ghi “Kim Kwangil trả trước cho anh Lý Tuấn A 06 tháng tiền nhà (ghi bằng tiếng Anh)”, không có nội dung thể hiện việc ông H chuyển tiền cho ông TA vay. Ngoài sao kê tài khoản trên, ông H không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc ông H cho ông TA vay số tiền 163.800.000 đồng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở chấp nhận

yêu cầu của ông H yêu cầu ông TA phải trả cho ông H số tiền 163.800.000 đồng là đúng pháp luật.

** Xét yêu cầu của ông Lý Đức H yêu cầu ông Lý Tuấn A phải thanh toán số tiền 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:*

Theo ông H trình bày: Ngày 08/01/2018 ông TA vay ông H số tiền 150.000.000 đồng mục đích để trả phí làm dịch vụ sổ đỏ nhà đất 161 HB. Khi vay không viết giấy tờ chỉ nói miệng. Cùng ngày ông H chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của ông TA tại Ngân hàng V số tài khoản 0011004047392.

Theo Sao kê tài khoản ngày 08/01/2018 do ông H cung cấp và ông TA cũng thừa nhận việc ông H đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản số 0011004047392 của ông TA tại Ngân hàng V nhưng ông TA không thừa nhận đó là tiền ông TA vay ông H mà là tiền ông H chuyển cho Công ty TNHH thiết bị Hthuê 125 bộ Wifi tháng 1,2,3 năm 2018 của ông TA theo Hợp đồng số 29092017/Huawei. Ngoài ra, ông TA cho rằng nhà 161 HB thuộc sử dụng chung giữa ông TA và ông H, nên không có việc ông TA phải vay tiền của ông H để trả tiền dịch vụ làm sổ đỏ cho căn nhà này.

Xét nội dung chuyển tiền ghi “Công ty TNHH thiết bị HTT tiền thuê 125 bộ Wifi tháng 1,2,3 năm 2018 theo HD số 29092017/Huawei”, không có nội dung thể hiện việc ông H chuyển tiền cho ông TA vay. Ngoài sao kê tài khoản trên, ông H không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc ông H cho ông TA vay số tiền 150.000.000 đồng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu ông TA phải trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng là đúng pháp luật.

** Xét yêu cầu của ông Lý Đức H yêu cầu ông Lý Tuấn A phải thanh toán số tiền 67.601.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:*

Theo ông H trình bày: Để trả lãi 02 kỳ đầu tiên cho khoản vay 3.850.000.000 đồng tại Ngân hàng MB. Ngày 20/01/2018 ông TA lại tiếp tục vay ông H số tiền 67.601.000 đồng. Khi vay không viết giấy tờ chỉ nói miệng. Ông H đã chuyển khoản số tiền trên từ tài khoản của ông H tại Ngân hàng V sang tài khoản của ông TA tại Ngân hàng MB Chi nhánh TDH có số tài khoản là 0050129249002. Việc chuyển khoản chia làm 03 lần:

Lần 1: Ngày 22/01/2018 số tiền 22.151.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/01/2018 số tiền 5.050.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22/02/2018 số tiền 40.400.000 đồng.

Khi chuyển khoản ông H ghi TT lãi tháng 1/2018, TT tiền gốc, TT tiền lãi NH T2. Lý do ông H trình bày không ghi cụ thể là TT lãi, gốc cho ông Lý Tuấn A vì ông H với ông TA là anh em nên không cần ghi cụ thể.

Theo Sao kê tài khoản ngày 22/01/2018, ngày 26/01/2018, ngày 22/02/2018 do ông H cung cấp và ông TA cũng thừa nhận việc ông H đã chuyển số tiền trên nhưng ông TA không thừa nhận việc ông H chuyển số tiền trên cho ông TA vay để trả gốc, lãi Ngân hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc

thẩm, ông H thừa nhận sau khi Ngân hàng giải ngân khoản vay 3.850.000.000 đồng của ông TA đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của ông Lý Đức H mở tại Ngân hàng MB Chi nhánh TDH. Lời khai của ông H phù hợp với lời khai của ông TA về việc giải ngân khoản vay, ông TA khai số tiền giải ngân dùng để trả tiền mua thêm nhà đất tại 161 HB 3.382.157.000 đồng, phần còn lại để trả gốc và lãi của tháng 01 và tháng 02/2018 cho Ngân hàng MB và sửa chữa nhà 161 HB.

Tòa án nhân dân quận DD đã gửi Công văn yêu cầu Ngân hàng MB Chi nhánh TDH cung cấp thông tin về việc vay tiền và trả nợ gốc lãi của ông Lý Tuấn A. Tại Công văn số 892 ngày 08/9/2023, Ngân hàng trả lời ông Lý Tuấn A đã tắt toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng MB.

Xét nội dung chuyển tiền ngày 22/01/2018 ghi “TT lãi T1/2018”, ngày 25/01/2018 ghi “TT tiền gốc”, ngày 22/02/2018 ghi “TT tiền lãi NH T2” không có nội dung thể hiện việc ông H chuyển tiền cho ông TA vay để trả gốc lãi cho Ngân hàng. Ngoài sao kê tài khoản trên, ông H không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc ông H cho ông TA vay số tiền 67.601.000 đồng để trả gốc lãi cho Ngân hàng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu ông TA phải trả cho ông H số tiền 67.601.000 đồng là đúng pháp luật.

** Về yêu cầu của ông Lý Đức H yêu cầu ông Lý Tuấn A phải thanh toán số tiền 10.585.167 đồng, Hội đồng xét xử thấy:*

Theo ông H trình bày: Ông H cho ông TA vay 02 khoản để đóng án phí là 6.845.167 đồng và tiền định giá là 3.740.000 đồng, có các giấy tờ đóng phí kèm theo. Khi vay không viết giấy tờ chỉ nói miệng.

Ông TA trình bày hai khoản tiền này là ông TA nhờ ông H đóng hộ nhưng sau đó đã trả ông H bằng tiền mặt đầy đủ. Khi trả ông H bằng tiền mặt, giữa ông TA và ông H không viết giấy tờ gì.

Xét việc ông H cho ông TA vay 02 khoản để nộp án phí và tiền định giá, tuy không viết giấy tờ vay nhưng có các giấy tờ đóng phí kèm theo và ông TA cũng thừa nhận việc nhờ ông H đóng hộ các khoản tiền này. Vì vậy có căn cứ xác định ông TA vay ông H số tiền trên để đóng án phí và tiền định giá. Ông TA trình bày sau đó đã trả ông H bằng tiền mặt đầy đủ, nhưng không có giấy tờ chứng minh ông TA đã trả ông H. Vì vậy bản án sơ thẩm quyết định buộc ông TA phải trả số tiền 10.585.167 đồng là đúng quy định của pháp luật. Bản thân ông TA và ông H cũng đều không kháng cáo về nội dung này.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 274, 280, 357, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Đức H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 190/2023/DSST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Đức H đối với ông Lý Tuấn A.

2. Buộc ông Lý Tuấn A phải trả cho ông Lý Đức H số tiền 10.585.167 đồng (mười triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận các yêu cầu khác của đương sự.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Lý Đức H phải nộp 19.070.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H đã nộp 9.700.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0071532 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội. Ông Lý Đức H còn phải nộp tiếp 9.370.050 đồng tiền án phí.

Bị đơn ông Lý Tuấn A phải nộp 529.258 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Lý Đức H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0002789 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận ĐĐ;
- Chi cục THADS quận ĐĐ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh